TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Hà;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Chu Văn T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1997, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: T K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn N và bà Lương Thị H; có vợ: Ngô Thị G, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự; nhân thân: Ngày 14/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 02 năm (chưa hết thời hạn). Bị cáo đang tạm giam trong vụ án buôn bán hàng cấm từ ngày 24/01/2019 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Hương L, là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Bị hại: Ông Triệu Văn L, sinh năm 1964, hiện trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bế Văn K, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Dương Kim S, sinh năm 1972, trú tại: Đ, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1986, trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người chứng làm chứng: Đinh Đức T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 12/5/2017 Chu Văn T, đến nhà ông Triệu Văn L hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 12T1-00995 để đi thăm con ở riêng tại thôn P, xã T, huyện T, ông Triệu Văn L đồng ý cho mượn. Sau khi mượn được xe Chu Văn T điều khiển xe đi thăm vợ con và đi ra thị trấn Thất Khê mua ma túy sử dụng, khi đến khu vực cầu Pác Luồng, thì gặp Bế Văn K cùng rủ nhau đi tìm mua ma túy sử dụng, rồi Bế Văn K mang xe mô tô của mình đi cầm cố lấy tiền. Sau đó Bế Văn K đi xe mô tô đến thôn N, xã Đ cầm cố với một đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên địa chỉ được 700.000 đồng và gọi điện cho Chu Văn T đến nhà nghỉ Hải Vân đón và đi theo hướng lên đồi Khau Hương, xã B tìm mua ma túy sử dụng, đi được khoản 01 km, thì Bế Văn K và Chu Văn T gặp Đinh Đức T đi xe mô tô ngược chiều và được Đinh Đức T nói cho biết ở trên đồi Khau Hương có đánh bạc, rồi rủ Chu Văn T và Bế Văn K đi đánh bạc. Nghe Đinh Đức T nói, Chu Văn T và Bế Văn K cũng thích đánh bạc, nên không đi tìm mua ma túy nữa, mà đi đánh bạc cùng Đinh Đức T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Chu Văn T, Bế Văn K, Đinh Đức T đến đồi Khau Hương, nhưng chưa có ai đánh bạc, nên cả ba người đi vào nhà ông Dương Kim S ăn cơm tối. Trong khi ăn cơm Bế Văn K nói với Chu Văn T số tiền đi đánh bạc hơi ít, cầm cố chiếc xe mà Chu Văn T đang đi để lấy tiền đánh bạc, do Chu Văn T chỉ có khoảng 300.000 đồng, nên Chu Văn T đồng ý cầm cố xe. Sau khi ăn cơm xong, Chu Văn T nói với ông Dương Kim S là muốn cầm cố chiếc xe của mình đang đi lấy 10.000.000 đồng, nhưng ông Dương Kim S không chấp nhận, hai bên thống nhất đặt xe 5.000.000 đồng và hẹn một tuần sau Chu Văn T đem 5.500.000 đồng đến chuộc lại xe. Sau đó Chu Văn T, Bế Văn K, Đinh Đức T đi bộ tìm đến chỗ đánh bạc, cách nhà ông Dương Kim S khoảng 1,5 km. Chu Văn T, Bế Văn K, Đinh Đức T đến ngồi đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa, cùng khoảng 10 người, nhưng không biết tên tuổi địa chỉ, được khoảng 20 phút, thì Bế Văn K hết tiền, nên hỏi vay Chu Văn T 2.000.000 đồng và bảo khi về sẽ đưa tiền cho Chu Văn T để chuộc lại xe, đánh bạc đến nửa đêm thì Chu Văn T, Bế Văn K và Đinh Đức T thua hết tiền, nên cả ba người quay về nhà ông Dương Kim S ngủ, sáng hôm sau Chu Văn T, Bế Văn K cùng Đinh Đức T đi về. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/5/2017 Chu Văn T đến nhà ông Triệu Văn L trả chứng minh nhân dân, giấy bảo hiểm xe mô tô của ông Triệu Văn L để trong cốp xe và báo cho ông Triệu

Văn L biết việc chiếc xe mô tô mượn đã cầm cố tại thôn K, xã B và hứa một tuần sau sẽ chuộc lại xe trả cho ông Triệu Văn L. Khi ông Triệu Văn L yêu cầu Chu Văn T trả xe nhiều lần, thì Chu Văn T hứa đến ngày 09/6/2017 sẽ chuộc lại xe về trả cho ông Triệu Văn L, nhưng không thực hiện và trốn sang Trung Quốc, ông Triệu Văn L đã viết đơn trình báo sự việc. Sau khi quá hạn không thấy Chu Văn T đến chuộc xe như đã hẹn, ngày 29/5/2017 ông Dương Kim S đã bán chiếc xe mô tô cho anh Triệu Văn Q với giá 5.500.000 đồng. Ngày 26/6/2017 cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô của anh Triệu Văn Q mua với ông Dương Kim S.

Tại bản kết luận định giá tài sản, ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tràng Định kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-00995 của ông Triệu Văn L có giá trị là: 8.150.000 đồng.

Đến ngày 05/11/2017 Chu Văn T bị Công an Trung Quốc bắt và trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quang Ninh, sau đó Chu Văn T bị đưa đi chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, đến ngày 27/6/2018 thì trốn khỏi cơ sở cai nghiện, đến ngày 21/01/2019 Chu Văn T cùng Nguyễn Duy K sang Trung Quốc mua pháo mang về Việt Nam qua mốc 970, thì bị Nguyễn Duy K bị bắt giữ cùng 42 kg pháo, Chu Văn T bỏ chạy, đến ngày 24/01/2019 đến Công an huyện Tràng Định đầu thú, hiện đang tạm giam trong vụ án buôn bán hàng cấm từ 24/01/2019 đến nay.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 25/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Chu Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để xét xử bị cáo Chu Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo Chu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu. Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do không có tiền chuộc lại xe để trả cho ông Triệu Văn L, bị cáo thấy rất hối hận, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Chu Văn T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình năm 2015. Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản gì. Về xử lý vật chứng của vụ án đề nghị đồng xét xử xác nhận cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho ông Triệu Văn L. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự thỏa thuận việc bồi thường số tiền 5.000.000 đồng giữa bị cáo và anh Triệu Văn Q. Về vật chứng ghi nhận cơ quan điều tra đã trả xe mô tô cho ông Triệu Văn L.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Viện sát đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và anh Triệu Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Tại phiên tòa bị cáo Chu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 12/5/2017 Chu Văn T, đến nhà ông Triệu Văn L hỏi mượn xe mô tô để đi thăm con, ông Triệu Văn L đồng ý cho mượn, Chu Văn T đã mang xe đi cầm cố với ông Dương Kim S để lấy 5.000.000 đồng và hẹn 10 ngày sau đến chuộc lấy xe và trả cho ông Dương Kim S 5.500.000 đồng. Đến hẹn do bị cáo Chu Văn T không có đủ khả năng chuộc lại xe, nên ông Dương Kim S đã bán chiếc xe cho anh Triệu Văn Q với giá 5.500.000 đồng, theo biên bản kết luận định giá tài sản, ngày 07/8/2017: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-00995 của ông Triệu Văn L có giá trị là: 8.150.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội lạm dụng dụng tím nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời gian phạm tội của bị cáo ngày 12/5/2017, nên áp dụng khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (từ 03 tháng đến 03 năm tù) thấp hơn khung hình phạt đối với cùng hành vi quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (từ 06 tháng đến 03 năm), nên căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Chu Văn T phạm tội "Lạm dụng tím nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội, bị

cáo Chu Văn T khi mượn được tài sản của ông Triệu Văn L, bị cáo đã sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, nên đã phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung. Tuy vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, có 01 tiền sự: Ngày 14/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 02 năm (chưa hết thời hạn). Về tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngày 16/5/2019 bị cáo Chu Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù giam về tội buôn bán hàng cấm, do xét xử cùng thời điểm bản án chưa có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử chưa tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng". Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sinh sống cùng bố mẹ, không có tài sản, đất đai gì có giá trị (thể hiện tại biên bản xác minh ngày 07/3/2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Theo bị cáo Chu Văn T và Bế Văn K khai nhận được tham đánh bạc cùng nhiều người tại đồi Khau Hương, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, không phát hiện, tiếp nhận, xử lý vụ việc đánh bạc tại đồi Khau Hương, nên chưa có đủ căn cứ để xử lý bị cáo và Bế Văn K về hành vi đánh bạc.

[7] Đối với anh Bế Văn K nói với bị cáo số tiền đánh bạc hơi ít và bảo bị cáo Chu Văn T cầm cố chiếc xe mô tô, nhưng Bế Văn K không biết được xe của bị cáo đang đi là tài sản đi mượn, nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

[8] Đối với ông Dương Kim S nhận cầm cố chiếc xe mô tô với bị cáo, nhưng ông Dương Kim S không biết xe mô tô do bị cáo Chu Văn T đi mượn, nên không liên quan.

[9] Đối với anh Triệu Văn Q mua chiếc xe mô tô với ông Dương Kim S, nhưng anh Triệu Văn Q không biết xe mô tô do bị cáo Chu Văn T mượn đi và cầm cố, nên không liên quan.

[10] Đối với anh Đinh Đức T cùng ăn cơm với bị cáo Chu Văn T tại nhà ông Dương Kim S, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng anh Đinh Đức T hiện nay không có mặt tại địa phương, nên cơ quan điều tra không tiến lấy lời khai để làm rõ được.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị mức án là phù hợp, nên được chấp nhận.

[12] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T tại phiên tòa, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[13] Về vật chứng của vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-00995 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Triệu Văn L, cơ quan điều đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho ông Triệu Văn L (theo biên bản trả lại tài sản ngày 27/11/2018), nên Hội đồng xử không xem xét giải quyết nữa.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Ông Triệu Văn L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản, nên Hội đồng xử không xem xét giải quyết nữa. Đối với anh Triệu Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mua xe 5.000.000 đồng. Bị cáo Chu Văn T cũng nhất trí bồi thường, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn Q, nên cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận việc bồi thường giữa bị cáo với anh Triệu Văn Q, cụ thể bị cáo Chu Văn T đồng ý bồi thường cho anh Triệu Văn Q 5.000.000 (năm triệu) đồng.

[15] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 01 năm 2019.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 4 Điều 131 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận việc bồi thường giữa bị cáo Chu Văn T với anh Triệu Văn Q, cụ thể như sau: Bị cáo Chu Văn T đồng ý bồi thường cho anh Triệu Văn Q 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực anh Triệu Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án, đối với khoản tiền bồi thường trên, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Chu Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Chu Văn T phải chịu là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ điều tra Công an huyện Tràng Định;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định;
- Bị cáo; Bị hại; Người bảo chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục thị hành án dân sự h. Tràng Định;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Triệu Thị Máy